

## HIỆN TRẠNG CÁC LOÀI KHUYẾT THỰC VẬT TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BẮC HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

ĐỖ THỊ XUYẾN, NGUYỄN ANH ĐỨC, ĐẶNG MINH TÚ  
*Trường Đại học Khoa học tự nhiên,  
Đại học Quốc gia Hà Nội*

HÀ VĂN HOAN  
*Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, Quảng Trị*

Hiện nay, nghiên cứu về hiện trạng các loài thực vật nhằm tìm ra cách thức để sử dụng, bảo tồn và phát triển chúng đang nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học. Nhóm Khuyết thực vật hay còn gọi là thực vật bậc cao sinh sản bằng bào tử, là nhóm thực vật nhạy cảm, dễ bị tổn thương nhất khi môi trường sống thay đổi. Bên cạnh đó, các loài thuộc nhóm này hầu hết là các loài thực vật có đời sống gắn liền với môi trường ẩm ướt, thường sống trong các khu rừng nguyên sinh hay sống trong môi trường nước. Đặc biệt trong chu trình sống có một thời gian bắt buộc phải gắn với môi trường nước (sự nảy mầm và kết hợp giữa các nguyên tử của khuyết thực vật). Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi đưa ra thông tin về đa dạng thành phần loài và hiện trạng của chúng tại Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

### I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là tất cả các loài Khuyết thực vật tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa. Theo đó có 3 ngành thực vật bậc cao có mạch được điều tra là Ngành Thông đất (Lycopodiophyta); Ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta); Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta).

Phương pháp nghiên cứu: Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra theo tuyến, điều tra theo ô tiêu chuẩn nhằm thu thập mẫu thực vật và hiện trạng loài; phương pháp hình thái so sánh trong giám định mẫu thực vật, ước tính số lượng (theo N. N. Thìn, 2007) [10]; Phương pháp phỏng vấn nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) nhằm tìm hiểu hiện trạng sử dụng các loài Khuyết thực vật. Việc xây dựng danh lục theo hệ thống của Phan Kế Lộc (2001) [6].

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Đa dạng thành phần loài Khuyết thực vật ở Khu BTTN Bắc Hướng Hóa

Qua quá trình điều tra thực địa, chúng tôi ghi nhận Khu BTTN Bắc Hướng Hóa có 129 loài thực vật bậc cao có mạch sinh sản bằng bào tử, 25 họ thuộc 3 ngành trong đó ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có 2 họ, ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta) có 1 họ và ngành Dương xỉ có 22 họ. Các họ nhiều loài phải kể đến như Polypodiaceae với 22 loài, Aspleniaceae với 14 loài, Dennstaedtiaceae với 9 loài, Dryopteridaceae với 8 loài. Các chi nhiều loài như chi *Asplenium* với 14 loài, *Pteris* với 10 loài, *Lygodium* với 6 loài,.... Các loài phân bố ở nhiều địa hình, nhiều môi trường trong khu BTTN nhưng chủ yếu là ở những nơi ven suối, các nơi ẩm, dưới tán rừng, chịu bóng. Nhiều loài có độ gặp hiếm trong khu vực nghiên cứu, đặc biệt có loài đã được ghi nhận bởi các thông tin từ trước, theo báo cáo của khu BTTN, tuy nhiên trong quá trình điều tra, chúng tôi chưa tìm được những loài này. Chi tiết chỉ ra ở bảng sau:

Bảng 1

**Danh lục các loài Khuyết thực vật tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị**

T T	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và TT bảo tồn
	<b>I. LYCOPODIOPHYTA</b>	<b>NGÀNH THÔNG ĐẤT</b>		
	<b>1. LYCOPODIACEAE</b>	<b>HỌ THÔNG ĐẤT</b>		
1	<i>Lycopodium cernua</i> (L.) Franco & Vasc	Thông đất	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, thường ở độ cao dưới 800 m.	T, C (thương mại)
2	<i>Huperzia serrata</i> (Thunb.) Trevis.,	Thạch tùng răng	Ít gặp, nơi ẩm, bám ven suối, ven đường trong rừng ẩm, đặc biệt ven suối đường lên đỉnh Voi Mẹp.	T (thương mại)
	<b>2. Selaginellaceae</b>	<b>Họ Quyển Bá</b>		
3	<i>Selaginella dodderleinii</i> Hieron.	Quyển bá doderlein	Khá phổ biến, dưới tán rừng, nơi bóng.	T
4	<i>Selaginella involvens</i> (Sw.) Spring.	Quyển bá quán	Hiếm gặp, nơi ẩm, bám trên cây ven suối.	
5	<i>Selaginella petelotii</i> Aston	Quyển bá petelo	Ít gặp, nơi ẩm, bám trên cây, trên đá ven, dưới tán rừng, khu vực xã Hướng Việt.	
6	<i>Selaginella repanda</i> (Desv.) Spring	Quyển bá trâu	Thỉnh thoảng gặp, ở nơi nhiều ánh sáng.	T
7	<i>Selaginella delicatula</i> (Desv.) Alst.	Quyển bá yếu	Thỉnh thoảng gặp, ở nơi nhiều ánh sáng.	T
	<b>II. EQUISETOPHYTA</b>	<b>NGÀNH MỘC TẠC</b>		
	<b>3. Equisetaceae</b>	<b>Họ Mộc Tạc</b>		
8	<i>Equisetum ramosissimum</i> Devs.	Mộc tạc yếu	Ít gặp, nơi ẩm, ven rừng, nơi có đất pha cát.	T
	<b>III. POLYPODIOPHYTA</b>	<b>NGÀNH DƯƠNG XỈ</b>		
	<b>4. Adiantaceae</b>	<b>Họ Nguyệt xỉ</b>		
9	<i>Adiantum flabellulatum</i> L.	Tóc xanh	Thỉnh thoảng gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	T
10	<i>Adiantum philippense</i> L.	Tóc thần Philipin	Thỉnh thoảng gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
11	<i>Adiantum induratum</i> Chr.	Ráng nguyệt xỉ cứng	Thỉnh thoảng gặp, nơi đất cát, dọc ven suối.	T
12	<i>Adiantum diaphanum</i> Bl.	Nguyệt xỉ	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm, ven suối Khe Sút.	
13	<i>Cheilanthes tenuifolia</i> (Burm. f.) Sw.	Thần mô lá mảnh	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm, ven suối Khe Sút, bám đá.	
14	<i>Onychium siliculosum</i> (Desv.) C. Chr.	Dương xỉ giác	Ít gặp, bám trên cây, hốc đá có mùn, ở Pa Thiên.	
15	<i>Pityrogramma culomelanos</i> (L.) Link.	Ráng chò chanh	Thỉnh thoảng gặp, nơi đất khô ráo, nhiều ánh sáng. Ven đường đi vào rừng.	T, Cải tạo đất
16	<i>Taenitis blechnoides</i> (Willd.) Sw.	Ráng hình dải	Phổ biến, dọc đường đi trong rừng, cả nơi ẩm và nơi khô ráo.	T

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 6

	<b>5. Aspleniaceae</b>	<b>Họ Cau Xỉ</b>		
17	<i>Asplenium cheilosorum</i> O. Kuntze ex Mett	Can xỉ có đuôi	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng, ở Pa Thiên.	T
18	<i>Asplenium antrophyoides</i> Chr.	Ráng can xỉ bầu dục	Ít gặp, bám trên cây, hốc đá có mùn.	
19	<i>Asplenium colaniae</i> Tard.-Blot.	Ráng can xỉ colani	Ít gặp, bám trên thân cây gỗ, nơi ẩm, ven suối.	
20	<i>Asplenium crinicaule</i> Hance	Ráng can xỉ có lông	Ít gặp, dưới tán rừng, bám trên thân cây gỗ, nơi ẩm, ven suối.	
21	<i>Asplenium ensiforme</i> Wall. Ex Hook. f.	Ráng can xỉ guom	Hiếm gặp. Ven suối ẩm, bám trên thân cây gỗ.	T
22	<i>Asplenium griffithianum</i> Hook.	Tô điều grifit	Hiếm gặp. Ven suối ẩm, bám trên thân cây gỗ.	T
23	<i>Asplenium hainanense</i> Ching.	Ráng can xỉ hải nam	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng.	
24	<i>Asplenium loriceum</i> Chr.	Ráng can xỉ giáp	Thỉnh thoảng gặp, bám trên thân cây gỗ.	
25	<i>Asplenium nidus</i> L.	Ráng ô phụng	Phổ biến, nơi ẩm, dưới tán rừng, bám trên thân cây gỗ.	T, R, C (thương mại)
26	<i>Asplenium normale</i> D. Don	Tô điều thường	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
27	<i>Asplenium saxicola</i> Rosenst	Ráng can xỉ đá	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng, đường lên đỉnh Sa Mù.	
28	<i>Asplenium sublaserpitiifolium</i> Ching ex Tardieu & Ching	Tô điều lá gân thìa là	Khá phổ biến, nơi ẩm, dưới tán rừng, bám trên thân cây gỗ.	T
29	<i>Asplenium varians</i> Wall ex Hook. & Grew.	Ráng can xỉ thay đổi	Ít gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng, khu vực đỉnh Sa Mù.	
30	<i>Asplenium wrightii</i> Eaton ex Hook.	Tô điều vơi	Ít gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng, khu vực đỉnh Sa Mù, Pa Thiên.	
	<b>6. Blechnaceae</b>	<b>Họ Ráng dứa</b>		
31	<i>Blechnum orientale</i> L.	Quyết lá dứa	Phổ biến, nơi sáng, dọc đường đi trong rừng, cả nơi ẩm và nơi khô ráo.	T, C
32	<i>Woodwardia harlandii</i> Hook.	Ráng bích họa hác lãng	Ít gặp, ven đường đi trong rừng, dưới tán rừng.	
	<b>7. Cheiroleuriaceae</b>	<b>Ráng Thần trác</b>		
33	<i>Cheiroleuria bicuspis</i> (Blume) C. Presl,	Ráng thần trác	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng, thường ở đất.	
	<b>8. Cyatheaceae</b>	<b>Họ Dương Xỉ Mộc</b>		
34	<i>Cyathea contaminans</i> (Hook.) Copel.	Ráng tiên toạ	Ít gặp, làm thành tầng dưới tán rừng, thường dọc theo suối.	T, C, giá thể trồng lan
35	<i>Cyathea latebrosa</i> (Hook.) Copel.	Ráng tiên toạ rộng	Ít gặp, làm thành tầng dưới tán rừng, thường dọc theo suối.	C, Giá thể trồng lan
36	<i>Cyathea gigantea</i> (Hook.) Holtt.	Tiên toạ khổng lồ	Thỉnh thoảng gặp, làm thành tầng dưới tán rừng, thường dọc theo suối, trong rừng.	C, giá thể trồng lan
37	<i>Cyathea podophylla</i> (Hook.) Copel.	Ráng gỗ dày	Phổ biến, làm thành tầng dưới tán rừng, thường dọc theo suối, trong rừng, ven đường vào rừng.	C, T, giá thể trồng lan

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 6

38	<i>Cyathea salletti</i> Tardieu & C. Chr.	Ráng gỗ salét	Ít gặp, làm thành tầng dưới tán rừng, thường dọc theo suối.	C, T, giá thể trồng lan
	<b>9. Davalliaceae</b>	<b>Ráng đà hoa</b>		
39	<i>Davallia griffithiana</i> Hook.	Ráng đà hoa griffit	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng, trên cây gỗ hay bám đá.	T
40	<i>Davallia divaricata</i> Blume	Ráng đà hoa to	Ít gặp, nơi ẩm, chịu bóng, trên cây gỗ hay bám đá, hốc đá có mùn.	
	<b>10. Dennstaedtiaceae</b>	<b>Họ Đẳng Tiết</b>		
41	<i>Dennstaedtia seabra</i> (Hook.) Moore	Ráng đẳng tiết nhám	Ít gặp, ven đường đi trong rừng, dưới tán rừng.	
42	<i>Lindsaea ensiformis</i> L.	Ráng liên sơn seo gà	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, dọc đường đi ven rừng, có cả ở những nơi ẩm và khô ráo.	T
43	<i>Lindsaea lucida</i> Blume	Ráng liên sơn sáng	Thỉnh thoảng gặp, bám trên đá có mùn ở ven suối Khe Sút, nơi ẩm ướt	
44	<i>Lindsaea orbiculata</i> (Lam.) Mett. ex Kuhn	Ráng liên sơn tròn	Khá phổ biến, dưới tán rừng, ven đường đi trong rừng, độ cao từ thấp đến cao, có cả ở những nơi ẩm và khô ráo.	
45	<i>Microlepia marginata</i> (Houtl.) C. Chr.	Ráng vi lân bia	Khá phổ biến, dưới tán rừng, ven đường đi trong rừng.	
46	<i>Microlepia strigosa</i> (Thunb.) Presl.	Ráng vi lân nhám	Ít gặp, ở nơi ẩm, dưới tán rừng.	
47	<i>Microlepia trapeziformis</i> (Roxb.) Kuhn	Ráng vi lân tam giác	Ít gặp, ở nơi ẩm, dưới tán rừng.	
48	<i>Pteridium aquilinum</i> (L.) Kuhn.	Ráng đại đực	Khá phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, khô ráo.	T, R
49	<i>Sphaeromeris chinensis</i> L.	Ráng ô phi tàu	Khá phổ biến, có cả ở những nơi ẩm và khô ráo.	
	<b>11. Dicksoniaceae</b>	<b>Họ Cu li</b>		
50	<i>Cibotium barometz</i> (L.) Smith.	Cầu tích	Ít gặp, những nơi ẩm, dưới tán rừng, cây nhỏ, gặp ở khu vực Sa Mù, Voi Mẹp, Pa Thiên.	T, C (có giá trị thương mại); SĐ 96
	<b>12. Dryopteridaceae</b>	<b>Họ Ráng áo sen</b>		
51	<i>Cyclopeltis crenata</i> C. Chr.	Ráng áo lọng	Hiếm gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
52	<i>Diacalpe aspidioides</i> Blume	Ráng xuyên quần	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
53	<i>Dryopteris fuscipes</i> C. Chr.	Ráng cánh bản nâu	Hiếm gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
54	<i>Dryopteris polita</i> Roenst.,	Ráng cánh bản thanh	Thỉnh thoảng gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
55	<i>Dryopteris varia</i> (L.) Kuntze	Ráng cánh bản khác	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
56	<i>Dryopteris wallichiana</i> (Spreng.) Hyl.	Ráng cánh bản oa lích	Ít, dưới tán rừng, nơi ẩm, dọc theo suối.	
57	<i>Polystichum amabile</i> (Blume) J. Sm.	Ráng nhiều hàng đẹp	Khá phổ biến, dưới tán rừng, nơi ẩm.	T
58	<i>Tectaria triglossa</i> Tardieu & C. Chr.	Ráng yếm đực ba lưỡi	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm, khu vực đỉnh Sa Mù.	

	<b>13. Gleicheniaceae</b>	<b>Họ Vợt, Tế</b>		
59	<i>Dicranopteris linearis</i> (Burzm.) Underw.	Tế, Vợt	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, khô ráo.	T, dây buộc, đan lát, hàng thủ công
60	<i>Dicranopteris dichotoma</i> (Thunb.) Bernh.	Ráng lưỡng phân	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, khô ráo.	Dây buộc, đan lát, hàng thủ công
	<b>14. Grammitidaceae</b>	<b>Họ Ráng lâm bài</b>		
61	<i>Ctenopteris nhatrangensis</i> (C. Chr. & Tardieu	Ráng trăm dục nha trang	Hiếm gặp, phụ sinh trên đá, trên cây, nơi ẩm, ven suối, nơi có nhiều rêu.	
62	<i>Grammitis cuneifolia</i> Copel.	Ráng lâm bài nêm	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng.	
63	<i>Grammitis dorsipila</i> (Chr.) C. Chr. & Tard.	Lâm bài lông	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng.	
64	<i>Loxogramme acroscopa</i> (Chr.) C. Chr.	Ráng song tự đỉnh rộng	Ít gặp, bám đá, dưới tán rừng, ven suối, nơi có nhiều rêu.	T
	<b>15. Hymenophyllaceae</b>	<b>Họ Ráng màng</b>		
65	<i>Hymenophyllum poilanei</i> Tardieu & C. Chr.,	Ráng màng poilan	Ít gặp, bám trên thân cây gỗ, trên đá có mùn, nhiều rêu, ven suối, dưới tán rừng, đường lên thác của đỉnh Sa Mù.	T, C
66	<i>Crepidomanes auriculatum</i> (Blume) K. Iwats.	Ráng màng gãy có tai	Ít gặp, bám trên thân cây gỗ, trên đá có mùn, nhiều rêu, ven suối, dưới tán rừng, đường lên thác của đỉnh Sa Mù.	C
	<b>16. Lomariopsidaceae</b>	<b>Họ Dây choại giả</b>		
67	<i>Bolbitis appendiculata</i> (Willd.) K. Iwats.	Ráng bích xỉ thừa	Thỉnh thoảng gặp, ven suối ẩm.	R, T, thức ăn gia súc
68	<i>Bolbitis subcordata</i> (Copel.) Ching ex C. Chr.	Ráng bích xỉ gần tim	Thỉnh thoảng gặp, ven suối ẩm.	
	<b>17. Marattiaceae</b>	<b>Họ Móng ngựa</b>		
69	<i>Angiopteris annamensis</i> C. Ch & Tard.	Móng ngựa trung	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng.	C, T, R
70	<i>Angiopteris cochinchinensis</i> de Vriese	Móng ngựa nam	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng.	C
71	<i>Angiopteris evecta</i> (Forst.) Hoffm.	Hiền dục	Phổ biến, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng.	
72	<i>Angiopteris palmaeformis</i> (Cav.) Chr.	Hiền dục cọ	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng, khu vực đỉnh Sa Mù.	C
73	<i>Angiopteris repandula</i> de Vriese	Ráng ma	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng.	T, C
74	<i>Archangiopteris cadieri</i> Tard. & Christ	Cổ hiền	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng, ven đường đi trong rừng, ven suối.	C
	<b>18. Marsileaceae</b>	<b>Họ Rau Bọ</b>		
75	<i>Marsilea quadrifolia</i> L.	Rau bọ	Gặp nhiều, ở những nơi nước đọng, ven đường vào rừng.	T, R, thức ăn gia súc
76	<i>Marsilea crenata</i> Prese.	Rau bọ răng	Gặp nhiều, ở những nơi nước đọng, ven đường vào rừng.	T, R, thức ăn gia súc

	<b>19. Plagiogyriaceae</b>	<b>Họ Ráng Bình chu</b>		
77	<i>Plagiogyria adnata</i> (Blume) Bedd.	Ráng bình chu	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng, đường lên Pa Thiên.	
	<b>20. Polypodiaceae</b>	<b>Họ Dương xỉ</b>		
78	<i>Aglaomorpha coronans</i> (Mett.) Copel.	Ráng long cước	Khá phổ biến, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, chịu bóng.	T, C (đã có giá trị thương mại)
79	<i>Belvisia annamensis</i> (C. Chr.) Tagawa	Ráng da rồng trung	Thỉnh thoảng gặp, phụ sinh trên cây, nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
80	<i>Colysis digitata</i> (Bak.) Ching	Quyết tiên lá chân vịt	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất nơi ẩm, dưới tán rừng, gặp tại Sa Mù.	T
81	<i>Colysis hemionitideus</i> (Wall. ex Mett.) Copel.	Ráng cổ lý phai	Hiếm gặp, dưới tán rừng ẩm, mọc ở đất. Từ Voi Mẹp → xã Hướng Linh.	
82	<i>Colysis henryi</i>	Quyết tiêu	Mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng (theo tài liệu Khu BTN).	CRTT
83	<i>Colysis pothifolia</i> (D. Don) Presl.	Ráng cổ lý bầu dục	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất nơi ẩm, dưới tán rừng.	
84	<i>Colysis wui</i> (C. Chr.) Ching	Ráng cổ lý vu	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất nơi ẩm, dưới tán rừng.	
85	<i>Drynaria bonii</i> Christ.	Ráng đuôi phượng	Rất hiếm gặp, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng ẩm, cả trên đá, hốc đá có mùn, gặp ở đường đi Pa Thiên.	T, (thương mại); SD 2007, VU
86	<i>Drynaria quercifolia</i> (L.) J.Sm.	Cột toái bỏ lá to	Rất hiếm gặp, phụ sinh trên cây hay trên đá, dưới tán rừng	T (thương mại)
87	<i>Leptochilus axillaris</i> (Cav.) Kaulf.	Ráng bạch thiết	Thỉnh thoảng gặp, phụ sinh trên cây hay trên đá, dưới tán rừng ẩm	T
88	<i>Lemmaphyllum micropophyllum</i> C. Chr.	Ráng mảnh diệp	Rất hiếm gặp, phụ sinh trên cây hay trên đá, dưới tán rừng.	T
89	<i>Lepiorus subrostratus</i> (C. Chr.) C. Chr. & Tardieu	Ráng quần lân có mũi	Phổ biến, phụ sinh trên cây ven suối, dưới tán rừng.	T
90	<i>Microsorium hancockii</i> (Back.) Ching	Ráng vi quần hancock	Thỉnh thoảng gặp, phụ sinh trên cây gỗ trong rừng ẩm.	
91	<i>Microsorium punctatum</i> (L.) Copel.	Ráng vi quần đóm	Hiếm gặp, phụ sinh trên cây gỗ trong rừng ẩm.	
92	<i>Neocheiropteris superficialis</i> (Blume) Bosman	Ráng ngón tay bề mặt	Hiếm gặp, phụ sinh trên cây gỗ trong rừng ẩm.	T
93	<i>Phymatorus nigrescens</i> (Bl.) Pic.Ser.	Ráng thư hàng	Khá phổ biến, mọc ở đất hay phụ sinh trên cây gỗ trong rừng ẩm.	
94	<i>Phymatosorus scolopendria</i> (Burm.f.) Ric. Serm.	Ráng ô chim lưỡi hươu	Ít gặp, mọc ở đất, dưới tán rừng ẩm, ven suối.	T
95	<i>Platyterium coronarium</i> (Koen.) Desv.	Ô rồng	Ít gặp, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, Voi Mẹp → xã Hướng Linh.	T, C
96	<i>Platyterium grande</i> A. Cunn. ex J. Sm.	Ô rồng cánh	Ít gặp, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, Voi Mẹp → xã Hướng Linh.	T, C
97	<i>Platyterium lingua</i> (Thunb.) Farw.	Ráng mạc lưỡi	Ít gặp, dưới tán rừng ẩm, ven suối, phụ sinh trên cây, trên đá, nơi có nhiều rêu, hốc đá có mùn.	T

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 6

98	<i>Pyrrosia longifolia</i> (Burm.) Morton.	Ráng hòa mạc lá dài	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, ưa bóng.	T, C
99	<i>Pyrrosia nummularifolia</i> (Sw.) Ching	Ráng tai chuột đồng tiền	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, trên đá, dưới tán rừng, ưa bóng.	T
	<b>21. Pteridaceae</b>	<b>Họ Ráng seo gà</b>		
100	<i>Pteris biaurita</i> L.	Seo gà	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, mọc ở đất, dưới tán rừng, ưa bóng.	T, C
101	<i>Pteris decrescens</i> Chr.	Ráng chân xỉ eo	Hiếm gặp, nơi ẩm, mọc ở đất, dưới tán rừng, ưa bóng.	
102	<i>Pteris ensiformis</i> Burm.f.	Ráng chân xỉ hình gươm	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất, dưới tán rừng ẩm và cả nơi khô ráo.	C
103	<i>Pteris insignis</i> Mett.	Ráng seo gà đặc biệt	Ít gặp, nơi ẩm, mọc ở đất, dưới tán rừng, ưa bóng.	T
104	<i>Pteris finotii</i> Chr.	Ráng chân xỉ finet	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm và nơi khô ráo, ven đường đi trong rừng	
105	<i>Pteris grevilleana</i> Wall. ex Ag.	Ráng chân xỉ greville	Ít gặp, nơi ẩm, ven suối, dưới tán rừng, ưa bóng.	
106	<i>Pteris linearis</i> Poir.	Ráng chân xỉ	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, ven suối, dưới tán rừng, ưa bóng.	
107	<i>Pteris longipes</i> D. Don	Ráng seo gà dài	Ít gặp, nơi ẩm, ven suối, dưới tán rừng, ưa bóng.	
108	<i>Pteris semipinnata</i> L.	Quyết đuôi lông chim	Phổ biến, mọc trên đất nơi ẩm và khô ráo.	T
109	<i>Pteris vittata</i> L.	Cỏ rết	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, cả nơi ẩm và khô.	T, cải tạo đất
	<b>22. Schizeaceae</b>	<b>Họ Bồng bong</b>		
110	<i>Lygodium auriculatum</i> (Willd.) Alst	Bồng bong tai	Thỉnh thoảng gặp, ở nơi nhiều ánh sáng, leo trên cây khác thành lùm bụi	T, C, đan lát, dây buộc
111	<i>Lygodium conforme</i> C. Chr.	Bồng bong tơ	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, leo trên cây khác thành lùm bụi	Đan lát, dây buộc, T
112	<i>Lygodium flexuosum</i> (L.) Sw.	Bồng bong lá liễu	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, leo trên cây khác thành lùm bụi	Đan lát, dây buộc, T
113	<i>Lygodium japonicum</i> (Thunb.) Sw.	Hải kim sa	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng, leo trên cây khác thành lùm bụi	Đan lát, dây buộc, T
114	<i>Lygodium microstachyum</i> Desv.	Bồng bong lá nhỏ	Phổ biến, nơi sáng, leo trên cây khác thành lùm bụi	Đan lát, dây buộc, T
115	<i>Lygodium salicifolium</i> Presl.	Bồng bong lá liễu	ít gặp, ở dưới tán rừng ẩm, ven đường đi trong rừng, leo trên cây khác thành lùm bụi.	T, đan lát, dây buộc
	<b>23. Thelypteridaceae</b>	<b>Họ Ráng thư dục</b>		
116	<i>Cyclosorus parasiticus</i> (L.) Farw.	Dương xỉ thường	Phổ biến, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo.	T
117	<i>Cyclosorus balansae</i> Ching	Ráng thận bắc	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm, ven suối.	T
118	<i>Pronephrium lakhimpureense</i> (Rosenst.) Holttum	Ráng thận đỏ	Phổ biến, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo.	T

119	<i>Pronephrum nudatum</i> (Roxb.) Holttum	Ráng thận trần	Thỉnh thoảng gặp, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo.	
120	<i>Pronephrum repandum</i> (Fée) Holttum	Ráng thận lượn sóng	Ít gặp, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo, khu vực Voi Mẹp.	
121	<i>Stegnoگرامma dictyoclinoides</i> Ching	Ráng bạc tự thường	Hiếm gặp, mọc trên đất, nơi ẩm, dưới tán rừng, dưới bóng	
	<b>24. Vittariaceae</b>	<b>Họ Ráng râu rồng</b>		
122	<i>Antrophyum annamensis</i> Chr. & Tard.	Lưỡi heo	Hiếm gặp, phụ sinh trên gỗ và trên đá, nơi có nhiều rêu, nơi ẩm, chịu bóng, khu vực Voi Mẹp.	T
123	<i>Antrophyum coriaceum</i> (D. Don) Wall.	Ráng lưỡi heo dài	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, chịu bóng, phụ sinh trên cây.	
124	<i>Vittaria amboinensis</i> Fée	Ráng râu rồng ẩm bôi	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, chịu bóng, phụ sinh trên cây ven suối.	
125	<i>Vittaria elongata</i> Sw.	Ráng râu rồng kéo dài	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, chịu bóng, phụ sinh trên cây.	T
	<b>25. Woodsiaceae</b>	<b>Ráng gỗ nhỏ</b>		
126	<i>Athyrium mackinsonii</i>	Ráng song quần mác	Ven đường đi trong rừng, dưới tán, nơi ẩm (theo tài liệu Khu BTTN).	CRTT
127	<i>Diplazium pinnatifido-pinnatum</i> (Hook.) Moore	Ráng song quần xê	Ít gặp, ven đường đi trong rừng, dưới bóng.	
128	<i>Diplazium conterminum</i> Christ	Song quần nhỏ	Hiếm gặp, nơi ẩm, ven suối, chịu bóng.	
129	<i>Diplazium polypodiodes</i> Bl.	Ráng song quần đa túc	Hiếm gặp, nơi ẩm, ven suối, chịu bóng.	

*Ghi chú:* Phần Công dụng chủ yếu theo ghi nhận của Võ Văn Chi và Trần Hợp (1999), Phan Kế Lộc (2001), Phạm Hoàng Hộ (1999) trong đó T (làm thuốc); C (làm cảnh); R (rau ăn); SĐVN (Sách đỏ Việt Nam), CRTT: loài chưa rõ thông tin, ghi nhận theo tài liệu của Khu bảo tồn, TT bảo tồn: Tình trạng bảo tồn.

## 2. Hiện trạng phân bố và sử dụng các loài Khuyết thực vật ở Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Hiện trạng phân bố của các loài Khuyết thực vật tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa có ở nhiều mức độ khác nhau. Ở mức Phổ biến gặp có 29 loài, mức Thỉnh thoảng gặp có 33 loài, mức Ít gặp có 43 loài, mức Hiếm gặp có 22 loài, đặc biệt có 2 loài được ghi nhận bởi các thông tin của khu BTTN. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, chúng tôi chưa tìm được những loài này. Về giá trị sử dụng, nhiều loài được ghi nhận sử dụng làm thuốc, làm cảnh, cho rau ăn hay thức ăn gia súc, cho sợi làm dây buộc,...

Hiện tại các loài Khuyết thực vật ở Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị đang đứng trước nhiều nguy cơ gây suy giảm cá thể và quần thể. Theo như quan sát, nhiều quần thể loài chỉ còn những cá thể nhỏ, số lượng cá thể ít, sức sống kém, bị suy giảm do các nguyên nhân khác nhau. Nguyên nhân chủ yếu do suy giảm môi trường sinh thái của loài. Việc sử dụng các loài Khuyết thực vật tại cộng đồng địa phương hiện không phải nguyên nhân chính dẫn đến suy giảm số lượng cá thể. Các loài Khuyết thực vật thường cần có môi trường sống ẩm ướt, hiện tại do nhiều nguyên nhân khác nhau làm môi trường sống của chúng bị xâm hại, độ ẩm giảm kéo theo các loài Khuyết thực vật phải đối mặt với nhiều nguy cơ, nhiều loài hiện rất khó tìm thấy trong khu vực Khu BTTN. Do vậy, rất cần thiết phải chọn lọc đối tượng và định hướng bảo tồn trong thời gian tới.



*Lời cảm ơn: Tập thể tác giả xin chân thành cảm ơn sự tài trợ kinh phí từ đề tài CA.15.11A thuộc Trung tâm Hỗ trợ Nghiên cứu Châu Á. Xin bày tỏ lòng biết ơn tới Ban quản lý, cán bộ kiểm lâm Khu BTTN Bắc Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình nghiên cứu.*

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Aucts**, 1998-2000. Flora reipublicae popularis sinicae, Vol. 4-6. Typis academiae scientiarum sinicae. Pekini.
2. **Đỗ Huy Bích và cộng sự**, 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam. Tập 1-2. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
3. **Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, phần Thực vật. Nxb. KHTN & CN.
4. **Võ Văn Chi và Trần Hợp**, 1999. Cây cỏ có ích ở Việt Nam. Nxb. Trẻ. Tập 1.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, tập 1-3.
6. **Phan Kế Lộc (Trung tâm tài nguyên Môi trường)**, 2001. Danh lục các loài thực vật ở Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Tập 1.
7. **Smith, A. R. in K. Kubitzki**, 1990. The families and Genera of Vascular Plants, Springer, Hamburg, 1: 203-245.
8. **Steenis van C. G. G. J. & Holttum R. E.** 1982. Flora Malesiana, Vol. 1. Netherlands.
9. **Tagawa M. & K. Iwatsuki**, 1985. Flora of Thailand, Bangkok, Thailand, Vol. 3 part 1-4.
10. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **STATUS OF FERNS IN BAC HUONG HOA NATURE RESERVE, QUANG TRI PROVINCE, VIETNAM**

**DO THI XUYEN, NGUYEN ANH DUC,  
DANG MINH TU, HA VAN HOAN**

#### **SUMMARY**

During the field investigation, we found 129 species of ferns belonging to 25 families and 3 phylla in Bac Huong Hoa Reserve. Among them, Lycopodiophyta is represented by 2 families, Equisetophyta by 1 family and Polypodiophyta by 22 families. Some of the dominant families are Polypodiaceae (22 species), Aspleniaceae (14 species), Dennstaedtiaceae (9 species) and Dryopteridaceae (8 species). Some of the dominant genera are *Asplenium* (14 species), *Pteris* (10 species) and *Lygodium* (6 species). The ferns were found distributed in many habitat types but mainly along the stream, on wet soil, under the shadow, as epiphyte on the tree.

In Bac Huong Hoa Reserve 29 species were common, 33 species were sporadic, 45 species were scarce and 22 species rare. Many species are used as medicinal, ornamental and edible plants.